

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG
MOBIFONE

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	14 - 43

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Viễn thông MobiFone (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tổng công ty và các công ty con.

Khái quát về Tổng công ty

Tổng công ty Viễn thông MobiFone tiền thân là Công ty Thông tin Di động, là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 321/QĐ-TCCB-LĐ ngày 16 tháng 4 năm 1993 của Tổng cục Bưu điện, nay là Bộ Thông tin và Truyền thông.

Theo Quyết định số 1798/QĐ-BTTTT do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 01 tháng 12 năm 2014, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phê duyệt việc thành lập Tổng công ty Viễn thông MobiFone trên cơ sở tổ chức lại Công ty Thông tin Di động. Sau đó, Tổng công ty cũng đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0100686209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 1 năm 2015. Tổng công ty cũng nhận được các Giấy chứng nhận điều chỉnh sau đó, với lần gần nhất là lần thứ 11 được cấp ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Theo Nghị định số 131/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ, đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng công ty được chuyển giao từ Bộ Thông tin và Truyền thông sang Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : (+84-24) 37831800
- Fax : (+84-24) 37831734

Các đơn vị thành viên trực thuộc hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Tổng công ty	Thành phố Hà Nội
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 1	Thành phố Hà Nội
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 2	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 3	Thành phố Đà Nẵng
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 4	Thành phố Việt Trì
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 5	Thành phố Hải Phòng
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 6	Thành phố Vinh
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 7	Thành phố Buôn Ma Thuột
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 8	Thành phố Biên Hòa
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 9	Thành phố Cần Thơ
Trung tâm Viễn thông Quốc Tế MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Công nghệ thông tin MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Dịch vụ số MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Bắc	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Trung	Thành phố Đà Nẵng
Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Nam	Thành phố Hồ Chí Minh
Trung tâm Quản lý điều hành mạng	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Đo kiểm và Sửa chữa thiết bị viễn thông MobiFone	Thành phố Hà Nội
Ban Quản lý Dự án MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Tư vấn - Thiết kế MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Tính cước và Thanh khoản MobiFone	Thành phố Hà Nội

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo đăng ký là:

- Đầu tư, xây dựng, vận hành, khai thác mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, phát thanh truyền hình, truyền thông đa phương tiện;
- Sản xuất, lắp ráp và xuất nhập khẩu, kinh doanh thiết bị điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin;
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế, xây lắp chuyên ngành điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin;
- Bảo trì, sửa chữa thiết bị chuyên ngành điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin; và
- Các ngành nghề khác.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hồng Hiền	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Mạnh Thắng	Chủ tịch	Hết hiệu lực ngày 01 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2021
Ông Nguyễn Đình Chiến	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2021

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
Ông Tô Mạnh Cường	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2019
Ông Bùi Sơn Nam	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2020
Ông Vĩnh Tuấn Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2020
Ông Thiêm Công Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2020
Ông Phan Tuấn Anh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 02 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Tô Mạnh Cường – Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tổng công ty và các Công ty con.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty và các Công ty con trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các Công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Tô Mạnh Cường

Ngày 24 tháng 4 năm 2023

Số: 1.1051/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Viễn thông MobiFone (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) và các công ty con, được lập ngày 24 tháng 4 năm 2023, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các Công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Viễn thông MobiFone và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến các thuyết minh sau trong Báo cáo tài chính hợp nhất:

- (i) Thuyết minh số IV.18; V.19 và VII.3, trong đó mô tả ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và Quyết định áp dụng hồi tố chính sách ghi nhận doanh thu năm 2021 theo dung lượng khách hàng thực tế sử dụng. Đồng thời Tổng công ty điều chỉnh Giá trị dịch vụ viễn thông còn phải cung cấp cho khách hàng tại thời điểm 0h ngày 01 tháng 01 năm 2021 nhưng đã ghi nhận doanh thu từ năm 2020 trở về trước giảm vào chỉ tiêu “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” của Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2021, số tiền 4.639.629.011.723 VND theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 và Thông tư 20/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính. Kết quả điều chỉnh này làm Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2021 đang lãi 3.882.815.241.490 VND thành lỗ (1.442.748.036.340) VND. Tổng công ty đã tính thuế TNDN hoãn lại đối với thu nhập tính thuế năm 2021 bị ảnh hưởng và nộp lại tờ khai cho cơ quan thuế. Số thuế thu nhập doanh nghiệp được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng năm 2021 sẽ theo quyết định cuối cùng của Cơ quan thuế.
- (ii) Thuyết minh số IV.21 về Quỹ tiền lương năm 2021 được giao trên cơ sở doanh thu dịch vụ trả trước ghi nhận theo phương pháp bán thẻ và đã được duyệt bởi Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp vào ngày 21 tháng 3 năm 2023 căn cứ Kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022. Sau khi áp dụng hồi tố số liệu Kết quả hoạt động kinh doanh riêng năm 2021, Quỹ tiền lương năm 2021 sẽ theo quyết định cuối cùng của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.
- (iii) Thuyết minh số IV.21 và V.19 về việc ảnh hưởng của các yếu tố khách quan khi xác định quỹ lương và quỹ Khen thưởng phúc lợi năm 2022. Tại thời điểm này, vẫn đang chờ Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Võ Hùng Tiên - Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0083-2023-008-1



Trần Kim Anh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1907-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2023



TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.977.916.282.985	18.208.912.754.142
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.078.396.852.407	1.394.836.311.279
1. Tiền	111		345.747.892.196	395.472.511.632
2. Các khoản tương đương tiền	112		732.648.960.211	999.363.799.647
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.247.881.039.796	13.770.814.518.971
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	10.247.881.039.796	13.770.814.518.971
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.367.128.143.866	1.537.215.201.820
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.328.328.526.552	1.376.733.576.114
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	92.341.604.740	158.182.675.323
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	266.244.688.396	373.821.638.812
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(319.922.048.156)	(371.658.060.763)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		135.372.334	135.372.334
IV. Hàng tồn kho	140		207.878.236.538	187.157.294.857
1. Hàng tồn kho	141	V.6	209.611.158.491	189.892.443.294
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(1.732.921.953)	(2.735.148.437)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.076.632.010.378	1.318.889.427.215
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	359.729.335.285	325.988.052.556
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		169.702.365.505	147.541.073.171
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	3.547.200.309.588	845.360.301.488
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.709.908.003.592	16.864.505.360.709
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.723.650.394	11.018.486.128
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	4.723.650.394	11.018.486.128
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		14.357.025.078.849	14.023.566.967.281
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	13.033.028.989.086	12.989.526.247.474
<i>Nguyên giá</i>	222		62.502.275.601.753	60.377.361.614.392
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(49.469.246.612.667)	(47.387.835.366.918)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.323.996.089.763	1.034.040.719.807
<i>Nguyên giá</i>	228		3.125.308.892.684	2.722.674.552.582
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.801.312.802.921)	(1.688.633.832.775)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		172.228.793.845	28.334.267.785
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	172.228.793.845	28.334.267.785
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.358.150.000	750.532.150.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	5.358.150.000	750.532.150.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.170.572.330.504	2.051.053.489.515
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	1.170.278.994.596	719.369.570.219
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		293.335.908	1.331.683.919.296
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		32.687.824.286.577	35.073.418.114.851

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		10.119.024.268.833	14.093.525.827.344
I. Nợ ngắn hạn	310		9.136.209.007.785	13.109.071.171.036
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	3.172.225.796.198	3.042.845.299.325
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		164.654.287.783	553.863.299.909
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	100.446.551.986	796.652.293.568
4. Phải trả người lao động	314		774.052.275.025	943.001.302.304
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	674.783.250.492	735.729.906.458
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	3.732.693.070.947	6.730.802.040.502
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	103.661.837.305	104.814.319.478
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	83.022.558.029	27.611.718.606
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	330.669.380.020	173.750.990.886
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		982.815.261.048	984.454.656.308
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		42.741.039.090	144.678.935
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	70.486.454.208	75.841.018.746
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		110.547.408	107.786.400
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.18	869.477.220.342	908.361.172.227

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.568.800.017.744	20.979.892.287.507
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	22.568.800.017.744	20.979.892.287.507
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000.000	15.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		35.203.499.235	35.203.499.235
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		9.896.242.115	9.055.238.174
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.174.621.153.219	7.064.218.743.769
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		106.359.939.871	(1.371.515.843.930)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.381.370.044.465)	(1.371.515.843.930)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.487.729.984.336	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		242.719.183.304	242.930.650.259
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		32.687.824.286.577	35.073.418.114.851

Lập, ngày 24 tháng 4 năm 2023

Người lập biểu

Tạ Thị Thu Vân

Kế toán trưởng

Phan Tuấn Anh

Tổng Giám đốc



Tô Mạnh Cường

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	29.426.879.574.746	24.526.733.269.948
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.857.445.453	1.874.123.987
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		29.421.022.129.293	24.524.859.145.961
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	22.207.620.899.760	22.694.606.597.796
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.213.401.229.533	1.830.252.548.165
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	688.555.844.914	662.575.786.515
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	118.297.365.033	18.357.216.869
Trong đó: chi phí lãi vay	23		25.061.908.320	1.907.153.238
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.838.199.018.012	3.594.292.488.611
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	738.259.573.363	955.236.606.098
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.207.201.118.039	(2.075.057.976.898)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	50.890.736.086	241.234.685.687
13. Chi phí khác	32	VI.8	24.061.133.108	15.570.638.420
14. Lợi nhuận khác	40		26.829.602.978	225.664.047.267
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.234.030.721.017	(1.849.393.929.631)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	17.404.304.970	924.882.147.030
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	1.331.390.583.388	(1.331.528.040.321)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.885.235.832.659	(1.442.748.036.340)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.855.811.935.837	(1.472.632.624.796)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		29.423.896.822	29.884.588.456

Lập, ngày 24 tháng 4 năm 2023

Người lập biểu

Tạ Thị Thu Vân

Kế toán trưởng

Phan Tuấn Anh

Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY
VIỄN THÔNG
MOBIFONE

Q. CẦU GIẤY - T. HÀ NỘI

Tô Mạnh Cường

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.234.030.721.017	(1.849.393.929.631)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8; V.9	4.374.648.646.428	4.687.915.780.476
- Các khoản dự phòng	03		57.815.564.945	82.431.644.516
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(6.553.324.544)	303.414.020
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(644.786.446.562)	(611.748.478.855)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	25.061.908.320	1.907.153.238
- Các khoản điều chỉnh khác	07	VI.6	-	141.000.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.040.217.069.604	2.452.415.583.764
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.149.796.699.531)	(1.078.188.100.941)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(19.718.715.197)	(68.367.162.541)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		24.995.788.348	7.875.751.034.831
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(484.650.707.106)	(270.282.419.223)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(25.003.974.814)	(1.952.363.730)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(973.265.827.857)	(534.018.089.401)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(315.222.799.988)	(312.759.624.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.097.554.133.459	8.062.598.857.884
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.071.991.284.042)	(5.666.211.522.257)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		7.857.453.366	(937.506.296)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.628.938.169.036)	(12.582.587.362.740)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.897.333.733.557	11.434.752.001.589
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	353.455.774
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		759.569.609.702	762.412.906.219
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(36.168.656.453)	(6.052.218.027.711)

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	6.375.568.537.437	1.935.515.883.496
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(6.320.157.698.014)	(1.975.032.436.520)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.432.944.979.353)	(1.498.678.972.691)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.377.534.139.930)	(1.538.195.525.715)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(316.148.662.924)	472.185.304.458
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.394.836.311.279	922.716.926.623
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(290.795.948)	(65.919.802)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.078.396.852.407	1.394.836.311.279

Người lập biểu

Tạ Thị Thu Vân

Kế toán trưởng

Phan Tuấn Anh

Lập, ngày 24 tháng 4 năm 2023

Tổng Giám đốc



Tô Mạnh Cường

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Viễn thông MobiFone (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) tiền thân là Công ty Thông tin Di động, là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 321/QĐ-TCCB-LĐ ngày 16 tháng 4 năm 1993 của Tổng cục Bưu điện, nay là Bộ Thông tin và Truyền thông.

Theo Quyết định số 1798/QĐ-BTTTT do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 01 tháng 12 năm 2014, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phê duyệt việc thành lập Tổng công ty Viễn thông MobiFone trên cơ sở tổ chức lại Công ty Thông tin Di động. Sau đó, Tổng công ty cũng đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0100686209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 1 năm 2015. Tổng công ty cũng nhận được các Giấy chứng nhận điều chỉnh sau đó, với lần gần nhất là lần thứ 11 được cấp ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Theo Nghị định số 131/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ, đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng công ty được chuyển giao từ Bộ Thông tin và Truyền thông sang Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là: Đầu tư, xây dựng, vận hành, khai thác mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền thông đa phương tiện.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tổng công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty năm 2022 chịu ảnh hưởng, tác động nhiều chiều bởi các yếu tố khách quan. Lợi nhuận năm 2022 sụt giảm mạnh do ảnh hưởng từ việc thay đổi chính sách ghi nhận doanh thu đối với thẻ trả trước theo dung lượng thực tế sử dụng. Do đó, Tổng Công ty không đạt được kết quả kế hoạch năm 2022 được giao.

Bên cạnh đó Tổng Công ty quyết định áp dụng hồi tố chính sách ghi nhận doanh thu đối với thẻ trả trước như sau:

(i) Ghi nhận doanh thu thẻ trả trước theo dung lượng thực tế sử dụng năm 2021;

(ii) Điều chỉnh giảm doanh thu năm 2021 đối với Giá trị dịch vụ viễn thông còn phải cung cấp cho khách hàng tại thời điểm 0h ngày 01 tháng 01 năm 2021 nhưng đã ghi nhận doanh thu từ năm 2020 trở về trước.

6. Cấu trúc Tổng công ty

Tổng công ty bao gồm Công ty mẹ, 03 công ty con trực tiếp và 5 công ty con gián tiếp chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6a. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone ⁽ⁱ⁾	Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ liên quan đến cuộc gọi bao gồm dịch vụ giải đáp, chăm sóc khách hàng qua điện thoại, dịch vụ cho thuê đài trạm phát sóng, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng trên mạng di động và các hoạt động khác	31,26%	31,26%	31,26%
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu ⁽ⁱⁱ⁾	105, đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ liên quan đến viễn thông, bao gồm dịch vụ truyền thông đa phương tiện, nội dung số, kinh doanh dịch vụ viễn thông, dịch vụ ứng dụng viễn thông, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động khác	69,42%	69,42%	69,42%
Công ty Cổ phần Dịch vụ gia tăng MobiFone	MM18 đường Trường Sơn, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	Bán buôn, bán lẻ các thiết bị, linh kiện điện tử, viễn thông; cung cấp hoạt động viễn thông không dây và có dây; cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông; cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, cho thuê lại lao động.	96,23%	96,23%	96,23%

- (i) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone ít hơn 50% nhưng Tổng công ty thực hiện quyền kiểm soát đối với Công ty con này qua việc có 3 đại diện trong tổng số 5 thành viên Hội đồng Quản trị trong Công ty con này kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018. Do vậy Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone bị Tổng công ty kiểm soát và được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty con gián tiếp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng công ty gián tiếp kiểm soát các công ty con của Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu. Tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Tổng công ty trong các Công ty con gián tiếp này như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động chính
Công ty TNHH MobiFone Global Singapore Pte	Singapore	51,00 %	35,40 %	Kinh doanh dịch vụ viễn thông, thẻ cào, dịch vụ thoại
Công ty TNHH VNPT Global Hong Kong	Hồng Kông	60,00 %	41,65 %	Kinh doanh dịch vụ viễn thông và dịch vụ IP khác
Công ty TNHH MobiFone Global USA	Mỹ	100,00 %	69,42 %	Kinh doanh dịch vụ viễn thông và dịch vụ cung cấp nội dung, cung cấp giải pháp công nghệ cao trong nước và quốc tế
Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam	Hà Nội	60,00 % ^(*)	27,77 %	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin, bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông

002-C
ÁNH
TY
HỮU H
À TỬ V.
C
NỘI
TP. H

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ MobiFone Toàn Cầu	Hà Nội	100,00 %	69,42 %	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ thông tin qua điện thoại

- (*) Mặc dù Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu không sở hữu trên 50% vốn góp tại Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp công nghệ Việt Nam tuy nhiên Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu nhận được ủy quyền thay mặt các cổ đông không kiểm soát nắm giữ 20% vốn góp thực hiện toàn bộ các quyền biểu quyết của cổ đông thiểu số theo giấy ủy quyền có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2019. Theo đó, Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp công nghệ Việt Nam vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu và được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng công ty và các Công ty con có 10.958 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 10.635 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tổng công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tổng công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

- Tài sản và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá bán của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Lợi nhuận đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi nhuận.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Nếu tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì áp dụng tỷ giá bình quân. Nếu biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 2% thì áp dụng theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc năm tài chính được tính toàn bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tổng công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng công ty đang trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo tỷ lệ trích lập được hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 (“Thông tư 48”).

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng công ty chủ yếu là chi phí thuê nhà trạm, cửa hàng, văn phòng; phí tần số, phí thuê kênh; công cụ dụng cụ đã xuất dùng và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 -25
Máy móc và thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	5-10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 30-50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3-5 năm.

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3-5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tổng công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tổng công ty không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tổng công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tổng công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014, Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016 và Thông tư số 05/2022/TT-BKH-CN do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2022. Số tiền trích quỹ hàng năm được Hội đồng Thành viên của Tổng công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và được trích lập từ 3% đến 10% thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Tổng công ty sẽ phải nộp về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia tối thiểu 20% số quỹ đã trích lập mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70%. Ngoài ra, Tổng công ty cũng sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu của Tổng công ty.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được nộp về Ngân sách Nhà nước sau khi Tổng công ty trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ dịch vụ viễn thông trả sau

Doanh thu từ dịch vụ trả sau bao gồm cước thuê bao thu hàng tháng, doanh thu cước các dịch vụ cơ bản và dịch vụ giá trị gia tăng. Doanh thu từ cước thuê bao hàng tháng và cước các dịch vụ cơ bản, dịch vụ giá trị gia tăng được ghi nhận khi dịch vụ đã cung cấp tới khách hàng. Doanh thu về cước hòa mạng được ghi nhận khi khách hàng đã hòa mạng và có thể sử dụng được các dịch vụ.

Doanh thu từ kinh doanh thẻ dịch vụ viễn thông di động trả trước

Năm 2022, Tổng Công ty chuyển sang ghi nhận doanh thu đối với thẻ viễn thông trả trước dựa trên dung lượng thực tế khách hàng sử dụng theo hướng dẫn tại Văn bản số 5679/MOBIFONE-TCKT do Tổng công ty ban hành ngày 19 tháng 12 năm 2022 và Văn bản số 5681/MOBIFONE-TCKT do Tổng công ty ban hành ngày 19 tháng 12 năm 2022. (Năm 2021: Theo Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được lập và phê duyệt ngày 30 tháng 3 năm 2022, Tổng công ty đã ghi nhận doanh thu tại thời điểm bán thẻ. Khi lập Báo cáo tài chính năm 2022, Tổng công ty đã quyết định áp dụng hồi tố chính sách ghi nhận doanh thu theo dung lượng đối với số liệu so sánh – Xem thuyết minh số VII.3b).

Việc thay đổi chính sách này được thực hiện phù hợp với hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 686/BTC-QLKT ngày 19 tháng 01 năm 2022, theo đó, yêu cầu các đơn vị phải chuyển đổi từ phương pháp ghi nhận doanh thu tại thời điểm thu tiền bán thẻ trả trước sang phương pháp ghi nhận doanh thu theo dung lượng thực tế sử dụng không chậm hơn ngày 01/01/2023; và Công văn số 9055/BTC-TCDN ngày 12 tháng 9 năm 2022, theo đó, đề nghị Tổng Công ty điều chỉnh phương pháp ghi nhận doanh thu theo thời điểm bán thẻ từ năm 2022.

Ảnh hưởng của việc áp dụng hồi tố thay đổi chính sách hạch toán doanh thu làm cho Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2021 của Tổng công ty sau khi hồi tố bị lỗ 1.442.748.036.340 VND (xem thuyết minh số VII.3).

Doanh thu cung cấp gói/sản phẩm dịch vụ cung cấp dài kỳ

Doanh thu cung cấp gói/sản phẩm dịch vụ viễn thông/công nghệ thông tin/các dịch vụ khác được ghi nhận theo thời gian (kỳ kế toán quy ước) hoặc theo sản lượng sản phẩm dịch vụ (tùy thuộc từng gói/sản phẩm dịch vụ) mà khách hàng thực tế sử dụng.

Doanh thu từ cước kết nối và chuyển vùng quốc tế

Doanh thu từ cước kết nối và chuyển vùng quốc tế được ghi nhận khi có phát sinh dịch vụ kết nối và chuyển vùng quốc tế dựa vào biên bản đối soát hàng tháng giữa Tổng công ty và các đối tác, hoặc theo dữ liệu cước kết nối ước tính của Tổng công ty trong trường hợp việc đối soát chưa hoàn thành. Doanh thu này được ghi nhận bằng số cước mà Tổng công ty được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ kết nối và chuyển vùng quốc tế trong tháng.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu từ dịch vụ thanh toán trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ thanh toán trực tuyến được ghi nhận căn cứ vào toàn bộ số tiền thực tế thu được khi khách hàng dùng thẻ trả trước do Tổng công ty phát hành để nạp tiền vào tài khoản thanh toán trực tuyến được mở tại các đơn vị cung cấp dịch vụ này. Phần phí dịch vụ phải trả cho các đối tác cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến được ghi nhận là giá vốn cung cấp dịch vụ và bán hàng tương ứng. Tổng công ty thực hiện việc ghi nhận doanh thu và giá vốn cho dịch vụ này dựa trên hướng dẫn tại Văn bản số 30912/CT-HTr ban hành bởi Cục thuế thành phố Hà Nội ngày 09 tháng 12 năm 2011.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền bản quyền

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

MB

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Chi phí lương

Chi phí lương được trích và ghi nhận theo hướng dẫn tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Theo quy định tại Nghị định 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 và Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016, Doanh nghiệp được loại trừ yếu tố khách quan ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh khi đánh giá năng suất lao động và lợi nhuận để xác định Quỹ tiền lương. Các điều chỉnh loại trừ ảnh hưởng khách quan của việc thay đổi chính sách hạch toán doanh thu năm 2022 của Tổng công ty vẫn đang chờ Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt.

Quỹ tiền lương năm 2021 được giao trên cơ sở doanh thu dịch vụ trả trước ghi nhận theo phương pháp bán thê và đã được duyệt bởi Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp vào ngày 21 tháng 3 năm 2023 căn cứ Kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022. Sau khi áp dụng hồi tố số liệu Kết quả hoạt động kinh doanh riêng năm 2021, Quỹ tiền lương năm 2021 sẽ theo quyết định cuối cùng của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	6.919.424.994	4.993.710.750
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	338.667.272.326	389.926.298.255
Tiền đang chuyển	161.194.876	552.502.627
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	732.648.960.211	999.363.799.647
Cộng	<u>1.078.396.852.407</u>	<u>1.394.836.311.279</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	10.247.881.039.796	13.770.814.518.971
Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	5.358.150.000	750.532.150.000
Cộng	<u>10.253.239.189.796</u>	<u>14.521.346.668.971</u>

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu từ khách hàng dùng dịch vụ trả sau	696.173.465.511	834.363.930.044
Phải thu về các dịch vụ viễn thông và CNTT khác	632.155.061.041	542.369.646.070
Cộng	<u>1.328.328.526.552</u>	<u>1.376.733.576.114</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	(319.922.048.156)	(371.658.060.763)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	371.658.060.763	649.452.467.208
Trích lập dự phòng bổ sung	58.817.791.429	87.283.074.086
Xử lý xóa nợ trong năm	(110.553.804.036)	(365.077.480.531)
Số cuối năm	<u>319.922.048.156</u>	<u>371.658.060.763</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Sonha Group	-	41.220.067.103
Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp đặt Viễn thông	-	20.447.477.976
Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông	15.869.686.800	
Alcatel Lucent International	-	14.693.353.866
Các khoản trả trước cho nhà cung cấp khác	76.471.917.940	81.821.776.378
Cộng	<u>92.341.604.740</u>	<u>158.182.675.323</u>

5. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn		
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	172.166.660.970	294.807.277.476
Phải thu người lao động	19.654.430.985	6.293.612.767
Ký cược, ký quỹ	11.030.977.026	1.579.286.586
Doanh thu dịch vụ tạm tính	3.304.216.886	3.219.310.099
Phải thu ngắn hạn khác	60.088.402.529	67.922.151.884
Cộng	<u>266.244.688.396</u>	<u>373.821.638.812</u>
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	4.723.650.394	11.018.486.128
Cộng	<u>4.723.650.394</u>	<u>11.018.486.128</u>

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	122.834.429.753	(152.083.651)	80.360.463.825	(220.155.617)
Công cụ, dụng cụ	5.125.373.449	-	5.300.993.007	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.321.589.514	-	8.739.314.376	-
Thành phẩm	6.948.600.000	-	6.372.300.000	-
Hàng hóa	51.624.028.580	(1.580.838.302)	85.708.062.462	(2.514.992.820)
Hàng gửi đi bán	2.757.137.195	-	3.411.309.624	-
Cộng	209.611.158.491	(1.732.921.953)	189.892.443.294	(2.735.148.437)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.735.148.437	8.313.988.641
Hoàn nhập dự phòng	(1.002.226.484)	(4.268.598.434)
Sử dụng dự phòng	-	(1.310.241.770)
Số cuối năm	1.732.921.953	2.735.148.437

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê nhà trạm, văn phòng cửa hàng	206.076.872.009	199.684.785.838
Phí tần số, thuê kênh	86.859.726.741	82.906.197.646
Cải tạo nhà trạm, văn phòng cửa hàng	8.497.214.973	6.234.173.828
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.465.506.808	2.042.328.185
Chi phí sửa chữa TSCĐ	149.924.987	84.756.160
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	10.611.003.478	14.309.530.238
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	45.069.086.289	20.726.280.661
Cộng	359.729.335.285	325.988.052.556

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	44.864.184.413	40.233.086.281
Cải tạo nhà trạm, văn phòng cửa hàng	222.819.715.345	126.886.226.068
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	254.848.909.381	182.066.560.780
Chi phí sửa chữa TSCĐ	157.678.472.389	96.166.135.923
Chi phí thuê đất, thuê đất có thời hạn	114.130.464.039	69.297.818.878
Chi phí vật tư, thiết bị dự phòng	258.470.686.454	37.402.780.858
Các khoản khác	117.466.562.575	167.316.961.431
Cộng	1.170.278.994.596	719.369.570.219

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	6.007.210.278.037	48.575.179.540.849	5.477.408.662.733	283.665.077.585	33.898.055.188	60.377.361.614.392
Mua trong năm	178.408.815.742	2.186.677.706.868	482.930.708.091	31.787.733.362	-	2.879.804.964.063
Đầu tư XDCB hoàn thành	240.753.245.948	34.674.947.870	93.869.248.355	-	-	369.297.442.173
Nâng cấp trong năm	64.867.912.842	848.317.988.017	58.809.853.484	-	-	971.995.754.343
Tăng/(giảm) theo quyết định phê duyệt quyết toán	(12.327.148.767)	35.084.658.983	(390.437.972)	(7.290.710)	-	22.359.781.534
Phân loại lại	-	33.898.055.188	-	-	(33.898.055.188)	-
Thanh lý, nhượng bán	(36.353.220.658)	(1.660.396.935.139)	(408.798.106.050)	(14.798.351.628)	-	(2.120.346.613.475)
Tăng/(giảm) khác	-	1.815.819.844	11.273.606	(24.434.727)	-	1.802.658.723
Số cuối năm	6.442.559.883.144	50.055.251.782.480	5.703.841.202.247	300.622.733.882	-	62.502.275.601.753
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.109.789.948.126	28.855.074.172.455	2.220.637.467.959	199.462.986.037	-	34.384.964.574.577
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	4.108.090.908.183	39.221.426.164.969	3.782.318.132.486	243.183.593.950	32.816.567.330	47.387.835.366.918
Khấu hao trong năm	452.648.669.587	3.174.972.393.497	530.973.859.877	24.835.919.983	-	4.183.430.842.944
Thanh lý, nhượng bán	(36.353.220.658)	(1.660.396.935.139)	(408.798.106.050)	(14.798.351.628)	-	(2.120.346.613.475)
Phân loại lại	-	32.477.941.908	-	338.625.422	(32.816.567.330)	-
Tăng/(giảm) khác	132.293.370	18.192.600.344	10.656.625	(8.534.059)	-	18.327.016.280
Số cuối năm	4.524.518.650.482	40.786.672.165.579	3.904.504.542.938	253.551.253.668	-	49.469.246.612.667
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.899.119.369.854	9.353.753.375.880	1.695.090.530.247	40.481.483.635	1.081.487.858	12.989.526.247.474
Số cuối năm	1.918.041.232.662	9.268.579.616.901	1.799.336.659.309	47.071.480.214	-	13.033.028.989.086

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	718.963.924.752	708.736.721.691	1.290.060.695.503	4.913.210.636	2.722.674.552.582
Số đầu năm	-	174.177.746.796	230.270.230.706	4.985.000.000	409.432.977.502
Mua trong năm	-	44.234.064.506	31.834.050.000	-	76.068.114.506
Nâng cấp trong năm	-	425.978.020	(3.330.396.388)	-	(2.904.418.368)
Điều chỉnh theo quyết định phê duyệt quyết toán	-	(55.190.485.625)	(24.771.847.913)	-	(79.962.333.538)
Thanh lý, nhượng bán	-	11.572.800.000	(11.572.800.000)	-	-
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Số cuối năm	718.963.924.752	883.956.825.388	1.512.489.931.908	9.898.210.636	3.125.308.892.684

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	53.592.316.487	559.560.397.296	1.073.638.039.605	1.843.079.387	1.688.633.832.775
Khấu hao trong năm	5.312.214.103	81.080.719.042	104.388.128.475	436.741.864	191.217.803.484
Tăng khác	-	-	1.423.500.200	-	1.423.500.200
Thanh lý, nhượng bán	-	(55.190.485.625)	(24.771.847.913)	-	(79.962.333.538)
Số cuối năm	58.904.530.590	585.450.630.713	1.154.677.820.367	2.279.821.251	1.801.312.802.921

Giá trị còn lại

Số đầu năm	665.371.608.265	149.176.324.395	216.422.655.898	3.070.131.249	1.034.040.719.807
Số cuối năm	660.059.394.162	298.506.194.675	357.812.111.541	7.618.389.385	1.323.996.089.763

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	19.746.769.928	5.021.440.570
Xây dựng cơ bản dở dang	152.482.023.917	23.312.827.215
Cộng	<u>172.228.793.845</u>	<u>28.334.267.785</u>

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nokia Siemens OY	-	89.213.986.056
Ericsson AB	27.572.322.517	100.330.783.820
Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Bưu chính Viễn thông	-	18.364.233.625
Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện	130.441.630.764	80.506.434.523
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông DTS	109.539.261.882	74.960.374.922
Phải trả đối tượng khác	2.904.672.581.035	2.679.469.486.379
Cộng	<u>3.172.225.796.198</u>	<u>3.042.845.299.325</u>

Tổng công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

mf



TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	363.008.292	189.208.339.047	657.305.959.419	(806.446.910.980)	2.185.173.185	41.889.552.379
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	96.348.141	14.433.040.870	(14.529.389.011)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	262.485.682	(262.485.682)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.360.263	572.553.447.759	17.404.304.970	(973.265.827.857)	390.380.606.069	7.049.170.678
Thuế thu nhập cá nhân	4.712.531.627	9.472.932.358	88.190.812.263	(86.893.747.346)	5.542.815.479	11.600.281.127
Phải nộp Ngân sách Nhà nước ⁽¹⁾	840.261.401.306	-	102.173.144.554	(2.411.003.458.103)	3.149.091.714.855	-
Các loại thuế khác	-	25.321.226.263	172.958.006.702	(158.371.685.163)	-	39.907.547.802
Cộng	845.360.301.488	796.652.293.568	1.052.727.754.460	(4.450.773.504.142)	3.547.200.309.588	100.446.551.986

⁽¹⁾ Đây là phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp Ngân sách Nhà nước theo hướng dẫn tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2015 về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuê nhà trạm, cửa hàng	104.335.592.294	216.153.821.659
Chi phí phải trả các đối tác	271.645.146.530	278.920.328.119
Chi phí thuê kênh, tần số	72.988.660.691	73.074.418.401
Chi phí điện nước	57.967.954.833	53.101.399.689
Vật liệu, nhiên liệu	1.968.932.257	2.198.170.921
Chi phí hỗ trợ sản xuất kinh doanh	11.719.706.550	12.335.481.458
Các khoản trích trước khác	154.157.257.337	99.946.286.211
Cộng	<u>674.783.250.492</u>	<u>735.729.906.458</u>

14. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu chưa thực hiện của thẻ và tài khoản chính	2.857.752.370.174	6.214.498.651.819
Doanh thu chưa thực hiện gói dài kỳ	832.521.456.251	475.863.981.630
Doanh thu chưa thực hiện khác	42.419.244.522	40.439.407.053
Cộng	<u>3.732.693.070.947</u>	<u>6.730.802.040.502</u>

15. Phải trả khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn		
Quỹ Viễn thông công ích, phí thương quyền ⁽ⁱ⁾	341.394.909	20.189.674.800
Nhận ký quỹ, ký cược	11.916.633.410	14.669.085.641
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	92.282.584	4.141.610.375
Kinh phí công đoàn	7.635.804.508	6.652.517.109
Phải nộp về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia	18.829.546.553	18.829.546.553
Phải trả về cổ tức	4.137.495.596	2.986.289.271
Các khoản phải trả, phải nộp khác	60.708.679.745	37.345.595.729
Cộng	<u>103.661.837.305</u>	<u>104.814.319.478</u>
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	70.486.454.208	75.841.018.746
Cộng	<u>70.486.454.208</u>	<u>75.841.018.746</u>

⁽ⁱ⁾ Tổng công ty dừng trích quỹ Viễn thông công ích theo Văn bản số 2771/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2020 về việc tạm dừng thu đóng góp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam kể từ năm 2020.

Tổng công ty trích Phí thương quyền theo tỷ lệ 0,5% trên doanh thu viễn thông theo quy định tại Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông và Thông tư số 03/2018/TT-BTC ngày 12/01/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 273/2016/TT-BTC.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Vay ngắn hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay thấu chi	-	3.587.230.031.487	(3.587.230.031.487)	-
Vay ngắn hạn các ngân hàng	27.611.718.606	2.788.338.505.950	(2.732.927.666.527)	83.022.558.029
Cộng	27.611.718.606	6.375.568.537.437	(6.320.157.698.014)	83.022.558.029

Tổng công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	173.750.990.886	332.813.588.052
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	170.040.173.976	11.134.105.131
Giảm trong năm	(14.874.129.583)	(170.173.342.224)
Tăng/giảm khác	1.752.344.741	(23.360.073)
Số cuối năm	330.669.380.020	173.750.990.886

18. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ	Cộng
Số đầu năm	884.500.000.000	23.861.172.227	908.361.172.227
Hình thành TSCĐ trong năm	(102.630.598.588)	102.630.598.588	-
Giảm trong năm	(20.843.508.864)	-	(20.843.508.864)
Khấu hao trong năm	-	(18.040.443.021)	(18.040.443.021)
Số cuối năm	761.025.892.548	108.451.327.794	869.477.220.342

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm	15.000.000.000.000	35.203.499.235	10.733.285.540	7.062.294.017.401	110.044.427.682	243.001.922.009	22.461.277.151.867
Lợi nhuận trong năm ⁽ⁱ⁾	-	-	-	-	(1.472.632.624.796)	29.884.588.456	(1.442.748.036.340)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển tại Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển tại Công ty con	-	-	-	1.924.726.368	(1.924.726.368)	-	-
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(5.290.250.960)	(5.843.854.171)	(11.134.105.131)
Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(825.648.524)	(622.352.463)	(1.448.010.987)
Chia cổ tức tại các công ty con	-	-	-	-	-	(21.347.224.480)	(21.347.224.480)
Giảm khác	-	(1.678.047.366)	-	-	(887.020.964)	(2.142.419.092)	(4.707.487.422)
Số dư cuối năm	15.000.000.000.000	35.203.499.235	9.055.238.174	7.064.218.743.769	(1.371.515.843.930)	242.930.650.259	20.979.892.287.507
Năm nay	15.000.000.000.000	35.203.499.235	9.055.238.174	7.064.218.743.769	(1.371.515.843.930)	242.930.650.259	20.979.892.287.507
Số dư đầu năm	-	-	-	-	1.855.811.935.837	29.423.896.822	1.885.235.832.659
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	110.402.409.450	(110.402.409.450)	-	-
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển tại Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	-	-	(163.900.573.744)	(6.139.600.232)	(170.040.173.976)
Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	-	-	(102.173.144.554)	-	(102.173.144.554)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(719.268.020)	(633.640.780)	(1.352.908.800)
Chia cổ tức tại các công ty con	-	-	-	-	-	(23.092.727.575)	(23.092.727.575)
Giảm khác	-	841.003.941	-	-	(740.756.268)	230.604.810	330.852.483
Số dư cuối năm	15.000.000.000.000	35.203.499.235	9.896.242.115	7.174.621.153.219	106.359.939.871	242.719.183.304	22.568.800.017.744

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(i) Lợi nhuận chưa phân phối năm trước bị âm do Tổng công ty quyết định điều chỉnh hồi tố chính sách ghi nhận doanh thu năm 2021 theo dung lượng khách hàng thực tế sử dụng. Đồng thời Tổng công ty điều chỉnh doanh thu Dịch vụ ghi nhận trước chưa sử dụng đầu kỳ giảm vào chi tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" của Kết quả hoạt động kinh doanh riêng năm 2021, số tiền 4.639.629.011.723 VND (Xem thuyết minh VII.3).

(ii) Tổng công ty đã tạm trích Quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 ("Nghị định 91") về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Theo quy định tại Nghị định 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015; Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 và Thông tư 77/2021/11-BTC ngày 17/9/2021, khi đánh giá xếp loại doanh nghiệp để phân phối Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Doanh nghiệp được loại trừ yếu tố khách quan ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Theo đó, Tổng công ty đã điều chỉnh loại trừ các ảnh hưởng khách quan của việc thay đổi chính sách hạch toán doanh thu năm 2022. Số liệu này đang chờ Ủy ban Quản lý vốn Nhà Nước tại doanh nghiệp phê duyệt.

(iii) Lợi nhuận sau thuế năm 2022 còn lại (sau khi đã tạm trích các quỹ) phải nộp Ngân sách Nhà nước theo Nghị định 91. Số nộp chính thức sẽ được kết chuyển khi có văn bản phê duyệt phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 của chủ sở hữu.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

20a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ (USD)	3.170.611,25	4.717.039,81
Euro (EUR)	33.144,07	29.940,18
Đô la Singapore (SGD)	97.104,79	15.912,85
Đô la Hồng Kông (HKD)	58.420,62	2.647,11

20b. Nợ khó đòi đã xử lý

Trong năm, Công ty đã xử lý một số khoản công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi số tiền 110.553.804.036 VND (cùng kỳ năm trước là 365.127.920.565 VND).

Tổng số công nợ phải thu lâu ngày đã xử lý như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ đã xử lý năm 2022	110.553.804.036	-
Nợ đã xử lý năm 2021	365.077.480.531	365.077.480.531
Nợ đã xử lý năm 2014	514.095.152.012	514.095.152.012
Cộng	<u>989.726.436.579</u>	<u>879.172.632.543</u>

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	29.426.879.574.746	24.526.733.269.948
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	4.376.952.066.162	4.965.005.682.846
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.049.927.508.584	24.201.356.598.825
Doanh thu cung cấp dịch vụ đầu kỳ khách hàng thực tế chưa sử dụng (*)	-	(4.639.629.011.723)
Các khoản giảm trừ doanh thu	(5.857.445.453)	(1.874.123.987)
Chiết khấu thương mại	(5.792.931.816)	(270.669.133)
Hàng bán bị trả lại	(64.513.637)	(1.603.454.854)
Doanh thu thuần	29.421.022.129.293	24.524.859.145.961

(*) Ghi giảm doanh thu dịch vụ ghi nhận trước chưa sử dụng đầu kỳ vào chi tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" năm 2021 (xem thuyết minh số VII.3).

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.351.324.502.168	4.935.263.734.591
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.857.298.624.076	17.763.611.461.639
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.002.226.484)	(4.268.598.434)
Cộng	22.207.620.899.760	22.694.606.597.796

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	637.733.343.495	625.033.242.041
Lãi chênh lệch tỷ giá	49.819.720.523	37.205.135.005
Doanh thu tài chính khác	1.002.780.896	337.409.469
Cộng	688.555.844.914	662.575.786.515

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	25.061.908.320	1.907.153.238
Lỗ chênh lệch tỷ giá	66.909.560.766	11.677.037.127
Chiết khấu thanh toán, lãi hàng bán trả chậm	25.747.003.135	4.009.333.196
Chi phí tài chính khác	578.892.812	763.693.308
Cộng	118.297.365.033	18.357.216.869

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	640.198.741.074	805.336.654.033
Chi phí vật liệu, bao bì	211.309.852.861	192.492.923.354
Chi phí khấu hao TSCĐ	155.970.422.294	155.046.378.486
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.079.137.540.068	1.755.739.563.212
Chi phí bán hàng khác	751.582.461.715	685.676.969.526
Cộng	<u>3.838.199.018.012</u>	<u>3.594.292.488.611</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	224.929.081.694	185.313.949.573
Chi phí dụng cụ đồ dùng, vật liệu	12.625.528.086	7.636.587.956
Chi phí khấu hao TSCĐ	60.317.585.706	47.984.393.218
Trích Quỹ Phát triển và Khoa học công nghệ	-	141.000.000.000
Phí thương quyền	115.573.364.798	84.424.307.398
Chi phí dịch vụ mua ngoài	189.849.912.016	160.640.153.883
Chi phí hỗ trợ phòng chống dịch Covid-19	-	196.662.041.674
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	134.964.101.063	131.575.172.396
Cộng	<u>738.259.573.363</u>	<u>955.236.606.098</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (*)	-	224.573.673.118
Thanh lý tài sản cố định	7.879.533.366	-
Thu nhập từ hỗ trợ bán hàng cho Samsung	21.808.720.800	-
Thu cước đã xóa nợ	1.038.328.792	508.608.319
Thu nhập khác	20.164.153.128	16.152.404.250
Cộng	<u>50.890.736.086</u>	<u>241.234.685.687</u>

(*) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trích lập năm 2015 và 2016 chi không hết, số tiền 366.754.164.897 VND, đã được xử lý như sau: Nộp 20% của số không sử dụng hết 70% sau 05 năm về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, số tiền 73.350.832.980 VND; Nộp thuế TNDN và nộp lãi phát sinh trên số thuế TNDN thu hồi, số tiền 68.829.658.799 VND; Hoàn nhập vào "Thu nhập khác" năm 2021 đối với số dư còn lại, số tiền 224.573.673.118 VND.

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	937.506.296
Chi phí hỗ trợ kinh doanh	21.055.604.800	-
Chi phí khác	3.005.528.308	14.633.132.124
Cộng	<u>24.061.133.108</u>	<u>15.570.638.420</u>

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của Tổng công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế ngoại trừ các công ty con ở nước ngoài có thuế suất thuế TNDN như sau:

- Công ty MobiFone Global USA: 29,84% trên thu nhập chịu thuế.
- Công ty VNPT Global HongKong: 16,5% đối với thu nhập từ hoạt động phát sinh tại Trung Quốc, Hong Kong. Theo chính sách mới đối với doanh nghiệp có lợi nhuận dưới 2.000.000 HKD thì thuế suất áp dụng là 8,25%. Theo đó, thuế suất áp dụng cho năm 2022 của Công ty là 8.25%.
- Công ty TNHH Global Singapore Pte: 17% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.404.304.970	924.882.147.030
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.331.390.583.388	(1.331.528.040.321)
Cộng	<u>1.348.794.888.358</u>	<u>(406.645.893.291)</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	702.956.721.093	531.407.134.944
Chi phí nhân công	2.253.341.429.465	2.208.672.885.786
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.374.648.646.428	4.686.977.445.760
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.612.115.819.707	13.166.718.159.632
Chi phí khác	1.465.746.105.115	1.688.275.182.433
Cộng	<u>22.408.808.721.808</u>	<u>22.282.050.808.555</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tổng công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

2. Các cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng công ty có các khoản cam kết liên quan đến các hợp đồng thuê hoạt động bao gồm thuê đất và thuê địa điểm đặt các trạm phát sóng và các hợp đồng thuê khác.

Cam kết mua tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng công ty cũng có cam kết bằng hợp đồng về việc mua tài sản, thiết bị để phục vụ cho việc xây dựng các trạm thu phát sóng và mua sắm các thiết bị viễn thông.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng quy định kế toán mới

Năm 2022, Tổng Công ty chuyển sang ghi nhận doanh thu đối với thẻ viễn thông trả trước dựa trên dung lượng thực tế khách hàng sử dụng theo hướng dẫn tại Văn bản số 5679/MobiFone-TCKT do Tổng công ty ban hành ngày 19 tháng 12 năm 2022 và Văn bản số 5681/MobiFone-TCKT do Tổng công ty ban hành ngày 19 tháng 12 năm 2022. (Năm 2021: Theo Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được lập và phê duyệt ngày 30 tháng 3 năm 2022, Tổng công ty đã ghi nhận doanh thu đối với dịch vụ viễn thông trả trước tại thời điểm bán thẻ. Khi lập Báo cáo tài chính năm 2022, Tổng công ty đã quyết định áp dụng hồi tố chính sách ghi nhận doanh thu theo dung lượng đối với số liệu so sánh – Xem thuyết minh số VII.3b).

Kết quả điều chỉnh này làm Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2021 tăng lên 3.882.815.241.490 VND thành 1.442.748.036.340 VND.

3b. Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán

Ảnh hưởng của việc thay đổi trong chính sách kế toán đến số liệu năm 2021 (số liệu so sánh) trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán hợp nhất					
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.098.900.182	840.261.401.306	845.360.301.488	(iv)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	293.099.838	1.331.390.819.458	1.331.683.919.296	(iii)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.322.394.350.364	(1.525.742.056.796)	796.652.293.568	(iv)
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	40.439.407.053	6.690.362.633.449	6.730.802.040.502	(i)
Phải trả ngắn hạn khác	319	138.222.855.639	(33.408.536.161)	104.814.319.478	(ii)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	496.887.709.571	(323.136.718.685)	173.750.990.886	(iv)
Quỹ đầu tư phát triển	418	8.216.707.390.963	(1.152.488.647.194)	7.064.218.743.769	(iv)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	112.418.609.919	(1.483.934.453.849)	(1.371.515.843.930)	(iv)

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	31.217.095.903.397	(6.690.362.633.449)	24.526.733.269.948	(i)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	988.645.142.259	(33.408.536.161)	955.236.606.098	(ii)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.807.560.167.657	(6.656.954.097.288)	(1.849.393.929.631)	(iii)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(137.220.863)	(1.331.390.819.458)	(1.331.528.040.321)	(iii)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	3.882.815.241.490	(5.325.563.277.830)	(1.442.748.036.340)	
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	3.852.930.653.034	(5.325.563.277.830)	(1.472.632.624.796)	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất					
Lợi nhuận trước thuế	1	4.807.560.167.657	(6.656.954.097.288)	(1.849.393.929.631)	(i;ii)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(237.926.699.635)	(840.261.401.306)	(1.078.188.100.941)	(iv)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	378.535.536.237	7.497.215.498.594	7.875.751.034.831	(iii;iv)
(i)	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thay đổi do các điều chỉnh sau:				
				(16.818.039.152.502)	
				(4.639.629.011.723)	
				14.767.305.530.776	
				(6.690.362.633.449)	
(ii)	Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm do điều chỉnh giảm phí thương quyền tương ứng với doanh thu dịch vụ viễn thông giảm, số tiền 33.408.536.161 VND.				
(iii)	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tăng do thay đổi chính sách ghi nhận doanh thu, chi tiết như sau:				
				6.690.362.633.449	
				33.408.536.161	
				6.656.954.097.288	
				20%	
				1.331.390.819.458	
(iv)	Giảm trích lập các quỹ và lợi nhuận nộp ngân sách do Kết quả kinh doanh 2021 bị lỗ				
				(1.152.488.647.194)	
				(323.136.718.685)	
				(2.366.003.458.102)	

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 24 tháng 4 năm 2023

Người lập biểu



Tạ Thị Thu Vân

Kế toán trưởng



Phan Tuấn Anh

Tổng Giám đốc



Tô Mạnh Cường

